



**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

(Điều chỉnh thông tin và bổ sung chỉ tiêu thí nghiệm đối Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Trường Lộc Việt Nam (LAS XD 19.008) số 08/SXD-QLCLXD ngày 10/09/2024 của Sở Xây dựng Đồng Nai cấp)

Căn cứ Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định 144/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định 144/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Trường Lộc Việt Nam;

Xét Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 02/10/2025 của Đoàn đánh giá Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai;

CHỨNG NHẬN

1. CÔNG TY TNHH TRƯỜNG LỘC VIỆT NAM:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 2901575487 cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 11 năm 2012, cơ quan cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 14 Trần nã, KP2, Phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (điều chỉnh thành 14 Trần nã, KP2, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam).

Điện thoại: 028.66830456 (điều chỉnh thành 093.2345272).

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Địa kỹ thuật – Thí nghiệm vật liệu xây dựng.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: tổ 8, ấp 3, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (điều chỉnh thành tổ 8, ấp 3, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam).

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung nêu trong Phụ lục danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS - XD 19.008** (điều chỉnh thành **LAS-XD DON 02**).

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày **10/09/2024** và là một phần không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Trường Lộc Việt Nam (LAS XD 19.008) số 08/SXD-QLCLXD ngày 10/09/2024 của Sở Xây dựng Đồng Nai cấp.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Trường Lộc Việt Nam;
- Bộ Xây dựng;
- TTHCC tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- VP đăng thông tin (website Sở);
- Lưu: VT, QLCLXD.Trường

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Lâm

PHỤ LỤC**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM ĐĂNG KÝ BỔ SUNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG ĐỊA KỸ THUẬT – THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY
DỰNG LAS - XD 19.008 (ĐIỀU CHỈNH THÀNH LAS-XD ĐƠN 02)**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SoXD, ngày tháng năm 2025
của Sở Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định cường độ nén và cường độ uốn	TCVN 6016:2011; ASTM C109/109M-24; AASHTO T106M/T106-22; BS EN 196-1:2016
2	Xác định độ nở Sunphat	TCVN 6068:2020; ASTM C452-21.
	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
3	Xác định độ tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109:2022; ASTM C232/232M-21; AASHTO T158M/T158-23; EN 480-4:2005
4	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C78/C78M-22; ASTM C293/C293M-16; AASHTO T97M/T97-23; AASHTO T 177-17 (2021)
5	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022 ASTM C157/C157M-17; AASHTO T160-22
6	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403/C403M-23; AASHTO T197M/T197-23
7	Xác định độ chảy xòe sụt cho bê tông tự đầm	ASTM C1611/C1611M-21; EN 12350-5:2019
	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
8	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131/C131M-20; ASTM C535-16; AASHTO T96-22; AASHTO T327:2022
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
9	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080/D3080M-23; AASHTO T236-22
10	Xác định tính nén lún, lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M-11(2020); AASHTO T216-22
11	Xác định độ co ngót của đất	TCVN 8720:2012
12	Xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012
13	Xác định cường độ nén không giới hạn của đất kết dính	ASTM D2166/D2166-24
14	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434-22; AASHTO T215-23
	THỬ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG NHỰA	
15	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO T245:2022; ASTM D6927-22
16	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
17	Xác định khối lượng thể tích, độ chặt đất hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020; TCVN 8729:2012; ASTM D2937-17e2
18	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
19	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
20	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965-15(2024)
21	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng.	TCVN 9354:2012
22	Thí nghiệm sức chịu tải của cọc bằng phương pháp sử dụng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; D1143/D1143M-20e1
23	Đo chuyển vị ngang bằng Inclinator	AASHTO R45-13
24	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D6951/D6951M-18(2023)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
25	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021; ASTM D2573/D2573M-18
	THÍ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
26	Xác định thời gian ninh kết của vữa	ASTM C953-24
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
27	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140/C140M-24a
	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC)	
28	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERAZO	
29	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI ĐẤT SÉT NUNG	
30	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:2023
	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BENTONITE	
31	Xác định lượng tách nước	TCVN 11893:2017
32	Xác định độ dày áo sét	TCVN 11893:2017
33	Xác định lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017
34	Xác định độ ẩm	ASTM D2216-19
	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT – BÁC THẨM VÀ VỎ BỌC BÁC THẨM	
35	Xác định độ thấm xuyên và hệ số thẩm	TCVN 8487:2010; ASTM D4491/D4491-22
36	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010; ASTM D4595/4595M-24; ISO 10319:2024
37	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632/4632M-15a(2023)
38	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533/4533M-15(2023)
39	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241-22a; ISO 12236:2006
40	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
41	Xác định áp lực kháng bức	TCVN 8871-5:2011
42	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:2011; ASTM D4751-21a; ISO 12956:2019
43	Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009; ASTM D5199-12(2019); ASTM D1777-96(2019); ASTM D5994/D5994M-10(2021)
44	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009; ASTM D5261-10(2018); ASTM D3776/D3776M-20; ISO 9864 :2005
45	Xác định lưu lượng thấm ngang (xác định độ dẫn nước)	TCVN 8483:2010; ASTM D4716/D4716M-22

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.
